

**BỘ QUỐC PHÒNG****BỘ QUỐC PHÒNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 169/2014/TT-BQP

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2014

**THÔNG TƯ****Hướng dẫn công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật  
thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng***Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008;**Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;**Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;**Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,**Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư hướng dẫn công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.***Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn nội dung, phương pháp xem xét, đánh giá hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật; chế độ báo cáo, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị) trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan đến công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

**Điều 3. Nguyên tắc theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Nguyên tắc theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ) và các nội dung sau:

1. Phản ánh chính xác về nội dung, tính chất và tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị.
2. Xác định nội dung trọng tâm, trọng điểm.
3. Kết hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật về ngành, lĩnh vực với việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật ở phạm vi từng cơ quan, đơn vị.
4. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan chủ trì và cơ quan, đơn vị có liên quan.

#### **Điều 4. Nội dung theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Nội dung theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ, trên cơ sở xem xét, đánh giá các nội dung sau:

1. Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật như: Tính kịp thời, sự đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết; tính thống nhất, đồng bộ của văn bản; tính khả thi của văn bản.
2. Tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật: Tính kịp thời, đầy đủ, sự phù hợp, hiệu quả của hoạt động tập huấn, phổ biến giáo dục pháp luật; sự phù hợp của tổ chức bộ máy; mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực cho thi hành pháp luật; mức độ đáp ứng về kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật.
3. Tình hình tuân thủ pháp luật: Tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền; tính chính xác, sự thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền; mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

#### **Điều 5. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng**

1. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức xã hội khác tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thông qua các hình thức sau đây:

a) Gửi văn bản hoặc thông qua Cổng Thông tin điện tử của Bộ Quốc phòng phản ánh ý kiến về tình hình thi hành pháp luật, kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng đến các cơ quan, đơn vị của Bộ Quốc phòng;

b) Cử đại diện tham gia các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đề nghị của Bộ Quốc phòng.

2. Cá nhân tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật bằng các hình thức trực tiếp đến Phòng tiếp công dân của các cơ quan, đơn vị; gửi ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để phản ánh, cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật.

3. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tạo điều kiện, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân và tổ chức tiếp nhận, thu thập thông tin của tổ chức, cá nhân trong hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

4. Cộng tác viên theo dõi thi hành pháp luật

a) Cộng tác viên được huy động để tham gia hoạt động thu thập, tổng hợp thông tin; điều tra, khảo sát; tham gia ý kiến về xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

b) Căn cứ điều kiện cụ thể và yêu cầu của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng huy động các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

c) Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo chế độ hợp đồng có thời hạn hoặc theo từng vụ việc cụ thể.

## **Chương II**

### **PHƯƠNG PHÁP XEM XÉT, ĐÁNH GIÁ**

### **TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT**

**Điều 6. Xem xét, đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng**

1. Cơ sở đánh giá

a) Trên cơ sở kết quả rà soát luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là văn bản được quy định chi tiết), hoàn thành việc xác định nội dung văn bản được quy định chi tiết giao Bộ Quốc phòng chủ trì soạn thảo hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành theo thẩm quyền;

b) Lập Danh mục văn bản quy định chi tiết, gồm: Nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư, thông tư liên tịch do Bộ Quốc phòng chủ trì soạn thảo hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành theo thẩm quyền (sau đây gọi là văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng gửi Bộ Tư pháp trong thời hạn chậm nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành văn bản được quy định chi tiết. Danh mục văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính

phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành văn bản được quy định chi tiết;

c) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành kế hoạch, phân công cơ quan, đơn vị chủ trì, cơ quan, đơn vị phối hợp soạn thảo văn bản quy định chi tiết trong thời hạn chậm nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày Danh mục văn bản quy định chi tiết được ban hành;

d) Cơ quan, đơn vị được giao chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết phải triển khai thực hiện đúng tiến độ đã được phê duyệt và quy định đầy đủ nội dung được giao quy định chi tiết đã được xác định trong Danh mục văn bản quy định chi tiết.

2. Căn cứ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này, Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng; Phòng Pháp chế, Ban Pháp chế, cán bộ pháp chế cơ quan, đơn vị hoặc cơ quan, cán bộ được phân công làm công tác pháp chế (sau đây gọi tắt là Tổ chức pháp chế cơ quan, đơn vị) chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ tướng cơ quan, đơn vị thực hiện các nội dung sau:

a) Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ của việc rà soát, lập dự kiến danh mục, việc ban hành kế hoạch xây dựng văn bản quy định chi tiết do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành;

b) Đánh giá tính đầy đủ của văn bản quy định chi tiết so với số nội dung được giao quy định chi tiết tại văn bản được quy định chi tiết;

c) Đánh giá tiến độ soạn thảo và trình ban hành văn bản quy định chi tiết trên cơ sở so sánh với thời điểm dự kiến cần phải trình ban hành theo kế hoạch;

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị và tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ tướng cơ quan, đơn vị chỉ đạo thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ xây dựng văn bản quy định chi tiết;

đ) Định kỳ hàng tháng, quý, 06 tháng, năm và theo yêu cầu của Bộ Quốc phòng, Tổ chức pháp chế cơ quan, đơn vị báo cáo về tình hình xây dựng văn bản quy định chi tiết về Bộ Quốc phòng (qua Vụ Pháp chế). Báo cáo nêu rõ tiến độ xây dựng đối với từng văn bản, những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất giải pháp tháo gỡ.

Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về tình hình xây dựng văn bản quy định chi tiết của Bộ Quốc phòng, gửi Bộ Tư pháp theo quy định.

**Điều 7. Xem xét, đánh giá về tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng**

1. Phù hợp với các quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và của cơ quan nhà nước cùng cấp có thẩm quyền.

2. Phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

3. Xem xét, đánh giá nội dung văn bản

a) Hiệu lực của văn bản: Xác định văn bản còn hiệu lực, văn bản hết hiệu lực toàn bộ hoặc hết hiệu lực một phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 16/2013/NĐ-CP của Chính phủ);

b) Căn cứ ban hành văn bản: Xác định các văn bản thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung văn bản là căn cứ ban hành văn bản quy định chi tiết; xác định các văn bản khác mới được ban hành có quy định liên quan đến quy định của văn bản quy định chi tiết;

c) Thẩm quyền ban hành văn bản: Xem xét sự phù hợp về thẩm quyền ban hành văn bản bao gồm thẩm quyền về hình thức và thẩm quyền về nội dung.

d) Nội dung văn bản quy định chi tiết: Xác định những nội dung của văn bản có quy định trái, chồng chéo, mâu thuẫn với quy định của văn bản quy phạm pháp luật cấp trên và văn bản quy phạm pháp luật của Bộ chuyên ngành;

Trường hợp các văn bản có quy định khác nhau về cùng một vấn đề, thì áp dụng quy định của văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn; văn bản do một cơ quan ban hành mà có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản được ban hành sau.

4. Nguồn thông tin cơ bản để đánh giá về tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết, gồm:

a) Thông tin của các cơ quan, đơn vị quy định tại Khoản 5 Điều này;

b) Kết quả của hoạt động kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật;

c) Kết quả của hoạt động hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển quy phạm pháp luật, rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính;

d) Phản ánh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, các phương tiện thông tin đại chúng và dư luận xã hội.

5. Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều này, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phát hiện văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ; kiến nghị hình thức xử lý, gửi về Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng để tổng hợp.

6. Trên cơ sở phân tích, tổng hợp các nguồn thông tin được quy định tại Khoản 4 Điều này, Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng lập danh mục các văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.